| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN ĐAK PƠ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 55 /TTr-UBND | *Đak Pơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022* |

# TỜ TRÌNH
## Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, kỳ họp thứ Năm (chuyên đề).

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 280/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND huyện Đak Pơ khóa IV, kỳ họp thứ Hai về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện;*

*Căn cứ Kết luận số 424-KL/HU ngày 10/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đak Pơ kết luận hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy phiên bất thường ngày 09 tháng 3 năm 2022.*

UBND huyện kính trình kỳ họp thứ Năm (chuyên đề) HĐND huyện khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện, cụ thể như sau:

- Bổ sung danh mục 16 dự án cần thiết phát triển hạ tầng kinh tế xã hội và đưa ra khỏi danh mục 02 dự án chưa thật sự cần thiết, khó phát huy hiệu quả dự án đầu tư (dự án Sửa chữa đường Kpă Klơng - UBND huyện đang đề nghị Ban QLXD 2 - Bộ Giao thông vận tải sửa chữa; dự án Xây mới hệ thống cấp nước tập trung làng Kruối Chai (điểm làng Chai) - UBND huyện đang đề nghị cấp trên xem xét bố trí từ nguồn vốn vay ADB đầu tư dự án Hệ thống cung cấp nước từ Nhà máy nước An Khê để cung cấp nước cho nhân dân làng Kruối Chai)

- Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện của 15 dự án đã được Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện sau điều chỉnh bao gồm 42 dự án xây dựng cơ bản, 01 dự án quy hoạch với nguồn vốn như sau:

**1.** Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn ngân sách huyện là: **155.770 triệu đồng.**

Cân đối nguồn:

+ Nguồn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư: 81.185 triệu đồng.

+ Nguồn tiền sử dụng đất: 36.800 triệu đồng.

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác: tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, giảm chi thường xuyên tăng chi đầu tư phát triển...: 37.785 triệu đồng.

Phân tích các khoản chi:

+ Chi đầu tư các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 là: 81.620 triệu đồng.

+ Vốn chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 là 1.000 triệu đồng.

+ Chi bồi thường hỗ trợ tái định cư trong giai đoạn 2022-2025 là: 4.000 triệu đồng.

+ Chi tiền sử dụng đất (Không kể tiền sử dụng đất do ngân sách huyện đầu tư thực hiện) điều tiết cho ngân sách cấp xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2021-2025 là: 13.800 triệu đồng.

+ Trích nộp 10% tiền sử dụng đất về ngân sách tỉnh để thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính cấp tỉnh năm 2021 là: 500 triệu đồng.

+ Trích 30% nộp vào Quỹ phát triển đất của tỉnh trong giai đoạn 2023-2025 là: 3.900 triệu đồng.

+ Bảo trì, bảo dưỡng các công trình giai đoạn 2022-2025: 25.150 triệu đồng.

+ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch huyện Đak Pơ là: 1.600 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện đối ứng Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương giai đoạn 2021-2025 là: 14.000 triệu đồng.

+ Dự phòng dùng để bổ sung các dự án khẩn cấp, cần thiết mới phát sinh trong giai đoạn 2021-2025: 10.200 triệu đồng.

*(Có danh mục chi tiết kèm theo)*

**2. Kế hoạch vốn chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030**

Tổng mức đầu tư các dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn là 180.800 triệu đồng, Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 155.770 triệu đồng, Kế hoạch vốn chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030 là 25.030 triệu đồng (tỷ lệ 16% so kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025), (180.800 triệu đồng - 155.770 triệu đồng = 25.030 triệu đồng).

(Lập Kế hoạch chuyển tiếp ở 02 giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 có các ưu điểm:

- *Một là*, Đáp ứng nhu cầu đầu tư trên địa bàn huyện lớn nhưng nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 chưa đáp ứng cần chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030. Đảm bảo theo quy định tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của địa phương (Điều 89, Luật Đầu tư công 2019).

- *Hai là*, Chủ động đầu tư các dự án cần thiết trong năm 2026 vì kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phải chờ Quốc hội khóa mới tại kỳ họp đầu tiên phê duyệt kế hoạch đầu tư công của Chính phủ giai đoạn 2026-2030 (khoản 2, Điều 60 Luật Đầu tư công 2019) và Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 của UBND tỉnh (khoản 3, Điều 62 Luật đầu tư công 2019).

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Phòng: TCKH; KT và HT;
- BQL DA ĐTXD huyện;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trường**

Biểu số 01

# BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

*(Kèm theo Tờ trình số 55 /TTr-UBND ngày 15 /3/2022 của UBND huyện Đak Pơ)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Nguồn vốn | Tổng mức đầu tư các dự án | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 | Vốn phân cấp huyện đầu tư | 93.315,0 | 81.185,0 | 12.130,0 | |
| 2 | Tiền sử dụng đất | 49.700,0 | 36.800,0 | 12.900,0 | |
| 3 | Vốn hợp pháp khác: tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư,… | 37.785,0 | 37.785,0 | | |
| | **Tổng cộng** | **180.800,0** | **155.770,0** | **25.030,0** | |

Biểu số 02

# ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

*(Kèm theo Tờ trình số 55 /TTr-UBND ngày 15 /3/2022 của UBND huyện Đak Pơ)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| | **TỔNG SỐ** | | | | | **124.485** | **124.485** | | | **180.800** | **155.770** | **25.030** | | |
| **A** | **Các dự án chuyển tiếp** | | | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Các dự án khởi công mới** | | | | | **63.685** | **63.685** | | | **107.650** | **82.620** | **25.030** | | |
| **B1** | **Vốn chuẩn bị đầu tư** | | | | | **1.000** | **1.000** | **2021-2025** | | **1.000** | **1.000** | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| **B2** | **Vốn thực hiện dự án** | | | | | **62.685** | **62.685** | | | **106.650** | **81.620** | **25.030** | | |
| 1 | Trường mẫu giáo Hoa Hồng | thị trấn Đak Pơ | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 02/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2025-2027 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 300 | 6.450 | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật liệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 2 | Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng | thị trấn Đak Pơ | Công trình cấp III, 02 tầng, 10 phòng học và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 17/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.800 | 4.800 | 2021-2023 | 17/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.800 | 4.800 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 3 | Đường tổ dân phố 1, tổ dân phố 2 và tổ dân phố 3 | thị trấn Đak Pơ | Sửa chữa, mở rộng mặt đường rộng 5,5m; hệ thống thoát nước | 2023-2025 | 03/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 4.935 | 4.935 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 5.500 | 5.500 | | Giá vật liệu, nhân công tăng. | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 4 | Đường Nguyễn Trãi (đoạn Lê Thánh Tông đến đường Lê Lợi) | Thị trấn Đak Pơ | Nền, mặt đường BTXM rộng 7m dày 20cm. Bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 7.000 | 7.000 | | Khu vực đông dân cư, hiện trạng là đường đất, vào mùa mưa đường lầy lội khó đi. Hoàn thiện đường Nguyễn Trãi theo quy hoạch | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 5 | Đền tưởng niệm và tượng đài chiến thắng Đak Pơ | Thị trấn Đak Pơ | Các hạng mục phụ trợ | 2022-2024 | 04/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2022-2024 | 04/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 6 | Trường TH và THCS Kim Đồng (điểm trường làng Kuk Kôn) | xã An Thành | Công trình cấp IV, 01 tầng, 02 phòng học; các hạng mục phụ | 2021-2023 | 15/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 950 | 950 | 2021-2023 | 15/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 950 | 950 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 7 | Trường mẫu giáo Họa Mi (điểm làng Bút) | xã An Thành | Công trình cấp III, 01 tầng, 02 phòng học; các hạng mục phụ | 2022-2024 | 05/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.200 | 1.200 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 2.100 | 2.100 | | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật liệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 8 | Trường bắn, thao trường huấn luyện | xã An Thành | Nhà điều hành, hội trường, nhà ở, nhà ăn + bếp và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 19/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 9.000 | 9.000 | 2021-2023 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 13.300 | 13.300 | | Bổ sung hạng mục phụ: nhà vệ sinh, sân bê tông, cải tạo mở rộng hồ nước. Giá vật liệu, nhân công tăng | Ban Chỉ huy quân sự huyện |
| 9 | Trường tiểu học và THCS Nguyễn Du (điểm tiểu học) | xã Cư An | Công trình cấp III, 02 tầng, 08 phòng và các hạng mục phụ | 2022-2024 | 06/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.000 | 6.000 | | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật liệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 10 | Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Cư An | xã Cư An | Hội trường văn hóa đa năng và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 22/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 2.500 | 2.500 | 2021-2023 | 22/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 2.500 | 2.500 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 11 | San nền chợ Hà Tam | xã Hà Tam | Bồi thường giải phóng mặt bằng, san nền, kè đá | 2021-2023 | 24/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.200 | 4.200 | 2021-2023 | 24/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.200 | 4.200 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 12 | Ngầm tràn qua nhà mồ làng Hway xã Hà Tam | xã Hà Tam | Tràn BTXM đá 10x20 mác 250, mặt rộng 5m; cống tràn kết hợp | 2022-2024 | 07/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.500 | 1.500 | 2022-2024 | 07/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.500 | 1.500 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 13 | Trường mẫu giáo Anh Đào (điểm trường thôn An Phong) | xã Phú An | Công trình cấp IV, 01 tầng; 02 phòng và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 18/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.500 | 1.500 | 2021-2023 | 18/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.500 | 1.500 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 14 | Trường mẫu giáo Anh Đào (điểm trường làng Đê chơ gang) | Xã Phú An | Công trình cấp IV, 01 tầng, 01 phòng và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.200 | 1.200 | | Hiện trạng 01 phòng điểm trường này xuống cấp. Xây dựng để phục vụ nhu cầu bán trú của nhân dân | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 15 | Trường tiểu học và THCS Phan Bội Châu | xã Phú An | Công trình cấp III, 02 tầng, 04 phòng và các hạng mục | 2021-2023 | 16/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.500 | 3.500 | 2021-2023 | 16/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.500 | 3.500 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 16 | Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Tân An | xã Tân An | Công trình cấp III, 02 tầng, 06 phòng và các hạng mục phụ | 2022-2024 | 08/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.800 | 3.800 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 6.750 | | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật kiệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 17 | Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Tân An | xã Tân An | Hội trường văn hóa đa năng; cổng tường rào và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 21/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.200 | 3.200 | 2021-2023 | 21/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.200 | 3.200 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 18 | Trường mẫu giáo Hoa Pơ Lang xã Ya Hội | xã Ya Hội | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 09/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 300 | 6.450 | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật kiệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 19 | Trường tiểu học và THCS Lương Thế Vinh (điểm tiểu học) | xã Ya Hội | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 10/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.500 | 3.500 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.300 | 6.300 | | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật kiệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 20 | Trường mẫu giáo Hoa Mai, xã Yang Bắc | xã Yang Bắc | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 11/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 300 | 6.450 | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật kiệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 21 | Cải tạo, nâng cấp Hồ Klăh Môn | xã Yang Bắc | Nạo vét mở rộng lòng hồ, kênh mương BTXM và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 20/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.600 | 1.600 | 2021-2023 | 20/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.600 | 1.600 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 22 | Trường TH và THCS Đào Duy Từ (điểm tiểu học) | xã Yang Bắc | Công trình cấp III, 01 tầng; 03 phòng học; nhà vệ sinh và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 13/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.500 | 1.500 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 2.500 | 2.500 | | Thay đổi tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy chuẩn kỹ thuật; giá vật kiệu, nhân công tăng | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 23 | Trụ sở làm việc Công an xã An Thành | Xã An Thành | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.500 | 1.500 | | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 24 | Trụ sở làm việc Công an xã Ya Hội | Xã Ya Hội | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.500 | 1.500 | | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 25 | Trụ sở làm việc công an xã Tân An | Xã Tân An | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 60 | 940 | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 26 | Trụ sở làm việc Công an xã Yang Bắc | Xã Yang Bắc | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 60 | 940 | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 27 | Trụ sở làm việc Công an xã Phú An | Xã Phú An | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | 950 | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 28 | Trụ sở làm việc Công an xã Hà Tam | Xã Hà Tam | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | 950 | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 29 | Trụ sở làm việc Công an xã Cư An | Xã Cư An | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | 950 | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 30 | Trụ sở làm việc Công an thị trấn Đak Pơ | Thị trấn Đak Pơ | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | 950 | Đảm bảo CSVC phục vụ cho công tác của lực lượng Công an xã chính quy | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| **C** | **Bồi thường hỗ trợ tái định cư** | | | **2022-2025** | | **4.000** | **4.000** | **2022-2025** | | **4.000** | **4.000** | | | |
| **D** | **Tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách cấp xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, chi đầu tư phát triển** | | | **2021-2025** | | **15.000** | **15.000** | **2021-2025** | | **13.800** | **13.800** | | | UBND các xã, thị trấn |
| **E** | **Trích 30% nộp vào quỹ phát triển đất của tỉnh** | | | **2022-2025** | | **5.400** | **5.400** | **2023-2025** | | **3.900** | **3.900** | | | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| **G** | **Trích nộp 10% về ngân sách tỉnh để thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính cấp tỉnh** | | | **2021-2025** | | **3.500** | **3.500** | **2021** | | **500** | **500** | | | |
| **H** | **Bảo trì, bảo dưỡng các công trình** | | | | | **6.100** | **6.100** | | | **25.150** | **25.150** | | | |
| 31 | Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nước tự chảy làng H'way, xã Hà Tam | xã Hà Tam | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa | 2022-2024 | 14/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 500 | 500 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 700 | 700 | | Giá vật liệu, nhân công tăng; | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 32 | Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nước tự chảy làng Đêchogang | xã Phú An | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa | 2023-2025 | 15/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 500 | 500 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 700 | 700 | | Giá vật liệu, nhân công tăng; | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 33 | Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống nước tự chảy xã Ya Hội | xã Ya Hội | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa. | 2023-2025 | 16/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.000 | 1.000 | 2023-2025 | 16/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.000 | 1.000 | | | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 34 | Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nước tự chảy làng Kruối Chai (điểm làng Kruối) | xã Yang Bắc | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa. | 2022-2024 | 17/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 500 | 500 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 700 | 700 | | Giá vật liệu, nhân công tăng; | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 35 | Bảo trì, bảo dưỡng đường từ trung tâm xã Ya Hội đi làng Bung | xã Ya Hội | Gia cố chống sạt lở, bảo trì, mở rộng mặt đường BTXM, Bm=5,5m, hệ thống thoát nước | 2022-2024 | 18/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.600 | 1.600 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 3.500 | 3.500 | | Giá vật liệu, nhân công tăng; | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 36 | Bảo trì, bảo dưỡng đường thôn An Phong xã Phú An (Đoạn từ đập Bến Tuyết đi Trụ sở thôn An Phong) | xã Phú An | Bảo trì, mở rộng mặt đường BTXM, Bm=5,5m, hệ thống thoát nước | 2023-2025 | 19/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 2.000 | 2.000 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 3.500 | 3.500 | | Giá vật liệu, nhân công tăng; | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 37 | Đường Lê Thánh Tông (đoạn Chu Văn An đến Nguyễn Trãi) | thị trấn Đak Pơ | Nền, mặt đường BTXM rộng 7m dày 20cm. Bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 950 | 950 | | Khu vực đông dân cư, hiện trạng là đường đất, vào mùa mưa đường lầy lội khó đi, | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 38 | Đường Quang Trung (đoạn từ đường Chu Văn An đến đường Nguyễn Trãi) | Thị trấn Đak Pơ | Nền đường đất đồi chọn lọc rộng Bn=25m; mặt đường bê tông nhựa rộng Bm=7,5m mỗi bên; chưa kể giải phân cách rộng 2m. Hệ thống thoát nước | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 2.500 | 2.500 | | Hoàn thiện giao thông khu vực trung tâm thương mại huyện. Hoàn thiện đường Quang Trung theo quy hoạch | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 39 | Sửa chữa, mở rộng Hội trường Huyện | Thị trấn Đak Pơ | Sửa chữa, mở rộng nhà hội trường, khu vệ sinh và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 3.000 | 3.000 | | Tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2025-2030 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 40 | Đường Nguyễn Tất Thành (Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương) | Thị trấn Đak Pơ | Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí, cây xanh | | | | | 2023-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.500 | 6.500 | | Hiện nay đang thi công mở rộng đường. Giải phân cách chưa có hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 41 | Đường Trần Hưng Đạo và đường Quang Trung | Thị trấn Đak Pơ | Hệ thống thoát nước; đan rãnh. | | | | | 2023-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 1.000 | | Khu dân cư, chưa có hệ thống thoát nước | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 42 | Đường Tô Vĩnh Diện | Thị trấn Đak Pơ | Hệ thống thoát nước; đan rãnh, bó vỉa. | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.100 | 1.100 | | Khu dân cư, chưa có hệ thống thoát nước | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| **I** | **Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch huyện Đak Pơ** | | | **2021** | 42/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 | **1.600** | **1.600** | **2021** | 42/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 | **1.600** | **1.600** | | | Phòng Tài nguyên và Môi trường |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Lý do đề xuất | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| **K** | **Ngân sách huyện đối ứng Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương giai đoạn 2021-2025** | | | **2021-2025** | | **14.000** | **14.000** | **2021-2025** | | **14.000** | **14.000** | | | UBND các xã, thị trấn |
| **L** | **Vốn dự phòng** | | | | | **11.200** | **11.200** | | | **10.200** | **10.200** | | | |

**Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 là:** **155.770 triệu đồng**

Trong đó:

1. Nguồn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư: **16.237 triệu đồng/năm x 5 năm = 81.185 triệu đồng**
2. Nguồn tiền sử dụng đất: **8.000 triệu đồng + 7.200 tr.đ/năm x 4 năm = 36.800 triệu đồng.**
3. Các nguồn vốn hợp pháp khác: tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư…: **37.785 triệu đồng**

| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐAK PƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND | *Đak Pơ, ngày tháng năm 2022* |

DỰ THẢO

# NGHỊ QUYẾT
## Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ NĂM (CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 280/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương);*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND huyện Đak Pơ khóa IV, kỳ họp thứ Hai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số ..../TTr-UBND, ngày ..../3/2022 của UBND huyện Đak Pơ đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện với các nội dung như sau:

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn ngân sách huyện là: **155.770 triệu đồng** (Gồm: Vốn thực hiện các dự án là: 81.620 triệu đồng; Vốn chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 là 1.000 triệu đồng; Chi bồi thường hỗ trợ tái định cư trong giai đoạn 2022-2025 là: 4.000 triệu đồng; Chi tiền sử dụng đất (Không kể tiền sử dụng đất do ngân sách huyện

đầu tư thực hiện) điều tiết cho ngân sách cấp xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2021-2025 là: 13.800 triệu đồng; Trích nộp 10% tiền sử dụng đất về ngân sách tỉnh để thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính cấp tỉnh năm 2021 là: 500 triệu đồng; Trích 30% nộp vào Quỹ phát triển đất của tỉnh trong giai đoạn 2023-2025 là: 3.900 triệu đồng; Bảo trì, bảo dưỡng các công trình giai đoạn 2022-2025: 25.150 triệu đồng; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch huyện Đak Pơ là: 1.600 triệu đồng; Ngân sách huyện đối ứng Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương giai đoạn 2021-2025 là: 14.000 triệu đồng; Dự phòng dùng để bổ sung các dự án khẩn cấp, cần thiết mới phát sinh trong giai đoạn 2021-2025: 10.200 triệu đồng.

Trong đó:

+ Nguồn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư: 81.185 triệu đồng.

+ Nguồn tiền sử dụng đất: 36.800 triệu đồng.

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác: tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư,...: 37.785 triệu đồng

*(Có danh mục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND huyện Đak Pơ khóa IV, kỳ họp thứ Hai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện, Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề), thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận :***
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch - ĐT;
- TT. Huyện ủy;

(b/cáo)

- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBMTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- VP Huyện ủy;
- VP. HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- Các đơn vị Tỉnh, TW đứng chân trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm VHTT&TT; Cổng TTĐT huyện;(công bố)
- Lưu: VT.

**CHỦ TỌA KỲ HỌP**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN**
**Nguyễn Hồng Sơn**

**Biểu số 01**

# BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/2022 của HĐND huyện Đak Pơ)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Nguồn vốn | Tổng mức đầu tư các dự án | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 | Vốn phân cấp huyện đầu tư | 93.315,0 | 81.185,0 | 12.130,0 | |
| 2 | Tiền sử dụng đất | 49.700,0 | 36.800,0 | 12.900,0 | |
| 3 | Vốn hợp pháp khác: tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư,… | 37.785,0 | 37.785,0 | | |
| | **Tổng cộng** | **180.800,0** | **155.770,0** | **25.030,0** | |

Biểu số 02

# ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/2022 của HĐND huyện Đak Pơ)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| | **TỔNG SỐ** | | | | | **124.485** | **124.485** | | | **180.800** | **155.770** | |
| **A** | **Các dự án chuyển tiếp** | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Các dự án khởi công mới** | | | | | **63.685** | **63.685** | | | **107.650** | **82.620** | |
| **B1** | **Vốn chuẩn bị đầu tư** | | | | | **1.000** | **1.000** | **2021-2025** | | **1.000** | **1.000** | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| **B2** | **Vốn thực hiện dự án** | | | | | **62.685** | **62.685** | | | **106.650** | **81.620** | |
| 1 | Trường mẫu giáo Hoa Hồng | thị trấn Đak Pơ | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 02/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2025-2027 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 300 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 2 | Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng | thị trấn Đak Pơ | Công trình cấp III, 02 tầng, 10 phòng học và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 17/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.800 | 4.800 | 2021-2023 | 17/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.800 | 4.800 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 3 | Đường tổ dân phố 1, tổ dân phố 2 và tổ dân phố 3 | thị trấn Đak Pơ | Sửa chữa, mở rộng mặt đường rộng 5,5m; hệ thống thoát nước | 2023-2025 | 03/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 4.935 | 4.935 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 5.500 | 5.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 4 | Đường Nguyễn Trãi (đoạn Lê Thánh Tông đến đường Lê Lợi) | Thị trấn Đak Pơ | Nền, mặt đường BTXM rộng 7m dày 20cm. Bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 7.000 | 7.000 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 5 | Đền tưởng niệm và tượng đài chiến thắng Đak Pơ | Thị trấn Đak Pơ | Các hạng mục phụ trợ | 2022-2024 | 04/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2022-2024 | 04/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 6 | Trường TH và THCS Kim Đồng (điểm trường làng Kuk Kôn) | xã An Thành | Công trình cấp IV, 01 tầng, 02 phòng học; các hạng mục phụ | 2021-2023 | 15/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 950 | 950 | 2021-2023 | 15/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 950 | 950 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 7 | Trường mẫu giáo Họa Mi (điểm làng Bút) | xã An Thành | Công trình cấp III, 01 tầng, 02 phòng học; các hạng mục phụ | 2022-2024 | 05/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.200 | 1.200 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 2.100 | 2.100 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 8 | Trường bắn, thao trường huấn luyện | xã An Thành | Nhà điều hành, hội trường, nhà ở, nhà ăn + bếp và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 19/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 9.000 | 9.000 | 2021-2023 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 13.300 | 13.300 | Ban Chỉ huy quân sự huyện |
| 9 | Trường tiểu học và THCS Nguyễn Du (điểm tiểu học) | xã Cư An | Công trình cấp III, 02 tầng, 08 phòng và các hạng mục phụ | 2022-2024 | 06/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.000 | 6.000 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 10 | Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Cư An | xã Cư An | Hội trường văn hóa đa năng và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 22/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 2.500 | 2.500 | 2021-2023 | 22/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 2.500 | 2.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 11 | San nền chợ Hà Tam | xã Hà Tam | Bồi thường giải phóng mặt bằng, san nền, kè đá | 2021-2023 | 24/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.200 | 4.200 | 2021-2023 | 24/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 4.200 | 4.200 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 12 | Ngầm tràn qua nhà mồ làng Hway xã Hà Tam | xã Hà Tam | Tràn BTXM đá 10x20 mác 250, mặt rộng 5m; cống tràn kết hợp | 2022-2024 | 07/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.500 | 1.500 | 2022-2024 | 07/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.500 | 1.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 13 | Trường mẫu giáo Anh Đào (điểm trường thôn An Phong) | xã Phú An | Công trình cấp IV, 01 tầng; 02 phòng và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 18/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.500 | 1.500 | 2021-2023 | 18/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.500 | 1.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 14 | Trường mẫu giáo Anh Đào (điểm trường làng Đê chơ gang) | Xã Phú An | Công trình cấp IV, 01 tầng, 01 phòng và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.200 | 1.200 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 15 | Trường tiểu học và THCS Phan Bội Châu | xã Phú An | Công trình cấp III, 02 tầng, 04 phòng và các hạng mục | 2021-2023 | 16/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.500 | 3.500 | 2021-2023 | 16/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.500 | 3.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 16 | Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Tân An | xã Tân An | Công trình cấp III, 02 tầng, 06 phòng và các hạng mục phụ | 2022-2024 | 08/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.800 | 3.800 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 6.750 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 17 | Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Tân An | xã Tân An | Hội trường văn hóa đa năng; cổng tường rào và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 21/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.200 | 3.200 | 2021-2023 | 21/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 3.200 | 3.200 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 18 | Trường mẫu giáo Hoa Pơ Lang xã Ya Hội | xã Ya Hội | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 09/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 300 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 19 | Trường tiểu học và THCS Lương Thế Vinh (điểm tiểu học) | xã Ya Hội | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 10/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.500 | 3.500 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.300 | 6.300 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 20 | Trường mẫu giáo Hoa Mai, xã Yang Bắc | xã Yang Bắc | Công trình cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 11/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.750 | 300 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 21 | Cải tạo, nâng cấp Hồ Klăh Môn | xã Yang Bắc | Nạo vét mở rộng lòng hồ, kênh mương BTXM và các hạng mục phụ | 2021-2023 | 20/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.600 | 1.600 | 2021-2023 | 20/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020 | 1.600 | 1.600 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 22 | Trường TH và THCS Đào Duy Từ (điểm tiểu học) | xã Yang Bắc | Công trình cấp III, 01 tầng; 03 phòng học; nhà vệ sinh và các hạng mục phụ | 2023-2025 | 13/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.500 | 1.500 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 2.500 | 2.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 23 | Trụ sở làm việc Công an xã An Thành | Xã An Thành | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.500 | 1.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 24 | Trụ sở làm việc Công an xã Ya Hội | Xã Ya Hội | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.500 | 1.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 25 | Trụ sở làm việc công an xã Tân An | Xã Tân An | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 60 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 26 | Trụ sở làm việc Công an xã Yang Bắc | Xã Yang Bắc | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 60 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 27 | Trụ sở làm việc Công an xã Phú An | Xã Phú An | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 28 | Trụ sở làm việc Công an xã Hà Tam | Xã Hà Tam | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 29 | Trụ sở làm việc Công an xã Cư An | Xã Cư An | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 30 | Trụ sở làm việc Công an thị trấn Đak Pơ | Thị trấn Đak Pơ | Công trình cấp IV, 1 tầng và các hạng mục phụ | | | | | 2024-2026 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 50 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **C** | **Bồi thường hỗ trợ tái định cư** | | | **2022-2025** | | **4.000** | **4.000** | **2022-2025** | | **4.000** | **4.000** | |
| **D** | **Tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách cấp xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, chi đầu tư phát triển** | | | **2021-2025** | | **15.000** | **15.000** | **2021-2025** | | **13.800** | **13.800** | UBND các xã, thị trấn |
| **E** | **Trích 30% nộp vào quỹ phát triển đất của tỉnh** | | | **2022-2025** | | **5.400** | **5.400** | **2023-2025** | | **3.900** | **3.900** | |
| **G** | **Trích nộp 10% về ngân sách tỉnh để thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính cấp tỉnh** | | | **2021-2025** | | **3.500** | **3.500** | **2021** | | **500** | **500** | |
| **H** | **Bảo trì, bảo dưỡng các công trình** | | | | | **6.100** | **6.100** | | | **25.150** | **25.150** | |
| 31 | Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nước tự chảy làng H'way, xã Hà Tam | xã Hà Tam | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa | 2022-2024 | 14/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 500 | 500 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 700 | 700 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 32 | Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nước tự chảy làng Đêchogang | xã Phú An | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa | 2023-2025 | 15/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 500 | 500 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 700 | 700 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 33 | Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống nước tự chảy xã Ya Hội | xã Ya Hội | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa. | 2023-2025 | 16/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.000 | 1.000 | 2023-2025 | 16/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.000 | 1.000 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 34 | Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nước tự chảy làng Kruối Chai (điểm làng Kruối) | xã Yang Bắc | Sửa chữa, nâng cấp đập đầu nguồn, tuyến ống, bể chứa. | 2022-2024 | 17/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 500 | 500 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 700 | 700 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 35 | Bảo trì, bảo dưỡng đường từ trung tâm xã Ya Hội đi làng Bung | xã Ya Hội | Gia cố chống sạt lở, bảo trì, mở rộng mặt đường BTXM, Bm=5,5m, hệ thống thoát nước | 2022-2024 | 18/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 1.600 | 1.600 | 2022-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 3.500 | 3.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 36 | Bảo trì, bảo dưỡng đường thôn An Phong xã Phú An (Đoạn từ đập Bến Tuyết đi Trụ sở thôn An Phong) | xã Phú An | Bảo trì, mở rộng mặt đường BTXM, Bm=5,5m, hệ thống thoát nước | 2023-2025 | 19/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021 | 2.000 | 2.000 | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 3.500 | 3.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 37 | Đường Lê Thánh Tông (đoạn Chu Văn An đến Nguyễn Trãi) | thị trấn Đak Pơ | Nền, mặt đường BTXM rộng 7m dày 20cm. Bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 950 | 950 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 38 | Đường Quang Trung (đoạn từ đường Chu Văn An đến đường Nguyễn Trãi) | Thị trấn Đak Pơ | Nền đường đất đồi chọn lọc rộng Bn=25m; mặt đường bê tông nhựa rộng Bm=7,5m mỗi bên; chưa kể giải phân cách rộng 2m. Hệ thống thoát nước | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 2.500 | 2.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 39 | Sửa chữa, mở rộng Hội trường Huyện | Thị trấn Đak Pơ | Sửa chữa, mở rộng nhà hội trường, khu vệ sinh và các hạng mục phụ | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 3.000 | 3.000 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 40 | Đường Nguyễn Tất Thành (Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương) | Thị trấn Đak Pơ | Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí, cây xanh | | | | | 2023-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 6.500 | 6.500 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 41 | Đường Trần Hưng Đạo và đường Quang Trung | Thị trấn Đak Pơ | Hệ thống thoát nước; đan rãnh. | | | | | 2023-2024 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.000 | 1.000 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| 42 | Đường Tô Vĩnh Diện | Thị trấn Đak Pơ | Hệ thống thoát nước; đan rãnh, bó vỉa. | | | | | 2023-2025 | …./NQ-HĐND, ngày 18/3/2022 | 1.100 | 1.100 | BQL dự án đầu tư xây dựng |
| **I** | **Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch huyện Đak Pơ** | | | **2021** | 42/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 | **1.600** | **1.600** | **2021** | 42/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 | **1.600** | **1.600** | Phòng Tài nguyên và Môi trường |
| **K** | **Ngân sách huyện đối ứng Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương giai đoạn 2021-2025** | | | **2021-2025** | | **14.000** | **14.000** | **2021-2025** | | **14.000** | **14.000** | UBND các xã, thị trấn |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (phê duyệt tại NQ 21 ngày 19/8/2021) | | | | Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | | | | Chủ đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn 2021-2025 | Thời gian KC-HT | Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | |
| | | | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | | Số, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư | | |
| *1* | *2* | | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **L** | **Vốn dự phòng** | | | | | **11.200** | **11.200** | | | **10.200** | **10.200** | |

**Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 là:** **155.770 triệu đồng**

Trong đó:

1. Nguồn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư: **16.237 triệu đồng/năm x 5 năm = 81.185 triệu đồng**
2. Nguồn tiền sử dụng đất: **8.000 triệu đồng + 7.200 tr.đ/năm x 4 năm = 36.800 triệu đồng.**
3. Các nguồn vốn hợp pháp khác: tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư…: **37.785 triệu đồng**